

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tú Phương

2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn,”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Minh K, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Bình Hồ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Bình Hồ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

(ông Châu Minh K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là ông Châu Minh K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Châu Minh K và bà Nguyễn Thị T chung sống chung với nhau từ năm 1999, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân gần 02 năm nay. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất các hôn nhân giữa bà và ông K là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông K yêu cầu ly hôn bà đồng ý. Về con chung, tài sản chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Minh K và bà Nguyễn Thị T tự nguyện xây dựng hôn nhân từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông K xác định vợ chồng chung sống không hợp nhau, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 không công nhận anh Châu Minh K và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

+ Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Ông Châu Minh K chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Ông Châu Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông K, bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: ông K và bà T tự nguyện sống chung từ năm 1999 và không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ thời điểm trên cho đến nay.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ*

giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Xét thấy: ông Châu Minh K và bà Nguyễn Thị T có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông K, bà T là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nay ông K yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận ông K và bà T là vợ chồng.

[3] Về chung, tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Châu Minh K phải chịu 300.000 đồng, ông K đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh K. Không công nhận ông Châu Minh K và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu;

- Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Ông Châu Minh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0009974 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm